

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **55** /2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **31** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực
xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ các Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 62/2020/QH14;*

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Kiến trúc;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công
trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ
Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số điều
của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý,
sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý
nước thải;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung
cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2011/NĐ-
CP ngày 28 tháng 12 năm 2011;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ
sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chiếu sáng
đô thị;*



Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 258/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5202/TTr-SXD ngày 15 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ~~31~~ tháng ~~12~~ năm 2025.

2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

b) Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị và Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

c) Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định một số nội dung về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;



d) Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định phân công, phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phân công, phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

đ) Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng; quản lý kiến trúc; cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

e) Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Ban hành quy định quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

g) Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Ban hành Quy định về quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định về quản lý, xây dựng, sử dụng nghĩa trang nhân dân và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

h) Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

i) Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 3 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy định quản lý hoạt động cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

k) Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh;

l) Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.




Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế; Thủ trưởng các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Đưa*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTXD. *gave*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 55../2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bao gồm: Quản lý quy hoạch xây dựng và kiến trúc; quản lý hoạt động xây dựng (thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng); quản lý chất lượng công trình xây dựng; xây dựng, quản lý nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sỹ); thoát nước và xử lý nước thải; sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý chiếu sáng đô thị; quản lý cây xanh;

b) Quy định này không áp dụng cho các nội dung sau: Các dự án không có cấu phần xây dựng; dự án xây dựng công trình đặc thù theo Điều 128 Luật Xây dựng và các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế;

b) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, HẠ TẦNG KỸ THUẬT GIỮA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 2. Nhiệm vụ, thẩm quyền cấp phép xây dựng

1. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh; trừ công trình thuộc dự án quy định tại khoản 2 Điều này và các công trình cấp III, cấp IV, nhà ở riêng lẻ nằm trong phạm vi địa bàn hành chính cấp xã.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng được đầu tư trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh, cụ thể: công trình thuộc dự án do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư; các công trình xây dựng khác trong khu công nghiệp và các khu chức năng trong khu kinh tế.

Điều 3. Nhiệm vụ, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của Ban Quản lý Khu kinh tế

Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án, công trình thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 16 và Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ) đối với dự án, công trình thuộc dự án được đầu tư trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh, cụ thể:

1. Dự án, công trình thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư.

2. Dự án, công trình thuộc dự án sử dụng vốn khác do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 4. Nhiệm vụ, thẩm quyền về kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Đối tượng công trình xây dựng thuộc trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế

Các công trình thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ); trừ công trình phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu quy định tại Điều 14 Quy định này.

2. Phạm vi công trình xây dựng thuộc trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương chịu trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp trên địa bàn tỉnh đối với các loại công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ; trừ các công trình đã phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Ban Quản lý Khu kinh tế chịu trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các công trình được đầu tư trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh, cụ thể: Công trình thuộc dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế và các đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư; công trình thuộc dự án do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư.

Điều 5. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý hoạt động cấp nước

1. Sở Xây dựng là cơ quan quản lý hoạt động cấp nước trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trong đó ít nhất 01 đơn vị trong địa giới hành chính đô thị hoặc khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan quản lý hoạt động cấp nước trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên trong địa giới nông thôn.

Điều 6. Nhiệm vụ, thẩm quyền tổ chức lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Ban Quản lý Khu kinh tế có trách nhiệm lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 7. Nhiệm vụ, thẩm quyền về chiếu sáng trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc khu vực đô thị

1. Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức thực hiện quản lý chiếu sáng trong phạm vi khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế, khi các khu vực này nằm trong địa giới hành chính đô thị.

2. Ban Quản lý Khu Kinh tế theo phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Điều 26 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý điện chiếu sáng đô thị và các quy định khác có liên quan.

Điều 8. Nhiệm vụ, thẩm quyền về thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc khu vực đô thị

Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn ngân sách và nguồn vốn khác sau khi nhận bàn giao trong khu công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế, khi các khu vực này nằm trong địa giới hành chính đô thị.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN, KIẾN TRÚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT CHO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Điều 9. Nhiệm vụ, thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã

Ủy ban nhân dân các xã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã trong phạm vi địa giới hành chính thuộc thẩm quyền quản lý; trừ các xã thuộc khu vực có yêu cầu cao về quản lý phát triển, xây dựng, kiến trúc, văn hóa, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu (theo danh mục các xã tại Phụ lục kèm theo Quy định này).

Điều 10. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong tổ chức lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị

Ủy ban nhân dân cấp xã lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị trong phạm vi địa giới hành chính cấp xã thuộc quyền quản lý.

Điều 11. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong lập quy chế quản lý kiến trúc

Ủy ban nhân dân cấp xã lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính cấp xã thuộc quyền quản lý.

Điều 12. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc

Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính thuộc quyền quản lý.

Điều 13. Nhiệm vụ, thẩm quyền liên quan đến quản lý hoạt động xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác đối với các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm định đối với một số dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, cụ thể:

a) Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ);

b) Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây

dựng, không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16, điểm c khoản 1 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ).

3. Quản lý trật tự xây dựng

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các quy định về quản lý trật tự xây dựng tại Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn do mình quản lý (bao gồm cả trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh);

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng (file mềm hoặc bản giấy) đối với các công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này (đối với các công trình theo quy định phải thực hiện thông báo khởi công xây dựng);

c) Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này và khoản 9 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn (bao gồm cả trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh).

Điều 14. Nhiệm vụ, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với các công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư đến 10 (mười) tỷ đồng và thuộc thẩm quyền kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 15. Nhiệm vụ, thẩm quyền trong quản lý hoạt động cấp nước

Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan quản lý hoạt động cấp nước khi phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã do mình quản lý.

Điều 16. Nhiệm vụ, thẩm quyền về chiếu sáng đô thị

1. Ủy ban nhân dân phường là chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP đối với hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị chỉ nằm trên địa bàn hành chính do mình quản lý. Đối với hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị nằm trên địa bàn của nhiều đơn vị hành chính phường, Ủy ban nhân dân phường nơi đặt hệ thống điều

khuyến là chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị này; các phường có hệ thống chiếu sáng đi qua có trách nhiệm phối hợp với phường là chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng này trong việc kiểm tra, phát hiện, báo cáo sự cố, hỗ trợ bảo trì, duy tu thay thế thiết bị thuộc đoạn tuyến trên địa bàn mình quản lý.

2. Ủy ban nhân dân phường là chủ sở hữu hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thực hiện quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP, trừ hệ thống chiếu sáng giao cho Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý tại khoản 1 Điều 7 Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân phường cho phép chiếu sáng quảng cáo, trang trí, chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội phù hợp vị trí, quy mô của mỗi công trình hoặc khu vực cụ thể trong đô thị theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 79/2009/NĐ-CP.

Điều 17. Nhiệm vụ, thẩm quyền về quản lý nghĩa trang

Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý hệ thống nghĩa trang nhân dân đối với các nghĩa trang chỉ nằm trên địa bàn hành chính cấp xã do mình quản lý với mọi quy mô. Đối với nghĩa trang nhân dân có tính chất liên xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có phần diện tích lớn hơn theo hiện trạng sử dụng đất chủ trì quản lý, các xã liên quan có trách nhiệm phối hợp.

Điều 18. Nhiệm vụ, thẩm quyền về quản lý cây xanh

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức quản lý cây xanh trên địa bàn quản lý, trừ phạm vi cây xanh trong khu công công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã theo phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước và các quy định khác có liên quan.

Điều 19. Nhiệm vụ, thẩm quyền về thoát nước và xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống thoát nước chỉ nằm trên địa bàn hành chính cấp xã do mình quản lý, trừ hệ thống thoát nước trong khu công công nghiệp, khu chức năng trong khu kinh tế. Đối với hệ thống thoát nước nằm trên địa bàn của nhiều đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà máy xử lý nước thải là chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, các địa phương có hệ thống thoát nước, xử lý nước thải kết nối với nhà máy xử lý nói trên có trách nhiệm phối hợp trong quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh thì các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để được hướng dẫn, xử lý theo quy định; trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định.

Điều 21. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy hoạch đô thị và nông thôn đang được Ủy ban nhân dân cấp xã trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính tổ chức lập, thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp xã mới sau sáp nhập phê duyệt quy hoạch theo quy định.

2. Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư đến 10 (mười) tỷ đồng do Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã quyết định đầu tư trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính và thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, điểm a khoản 1 Điều 123 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ) thì Ủy ban nhân dân cấp xã mới sau sáp nhập thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

Phụ lục
DANH MỤC CÁC XÃ THUỘC KHU VỰC CÓ YÊU CẦU CAO VỀ
KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG, VĂN HÓA, QUỐC PHÒNG AN NINH,
KINH TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **55** /2025/QĐ-UBND)

Thứ tự	Tên xã	Thứ tự	Tên xã
1	Minh Hóa	17	Khe Sanh
2	Đông Lê	18	Lao Bảo
3	Tuyên Hóa	19	Hướng Hiệp
4	Bắc Trạch	20	La Lay
5	Phong Nha	21	Vĩnh Hoàng
6	Đông Trạch	22	Cửa Tùng
7	Bố Trạch	23	Bến Quan
8	Hoàn Lão	24	Vĩnh Linh
9	Nam Trạch	25	Bến Hải
10	Quảng Ninh	26	Cửa Việt
11	Ninh Châu	27	Gio Linh
12	Cam Hồng	28	Triệu Phong
13	Lệ Thủy	29	Hải Lăng
14	Sen Nư	30	Diên Sanh
15	Nam Gianh	31	Cam Lộ
16	Nam Ba Đồn		

lha